

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm kính áp tròng và vật tư hỗ trợ

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá/TNKT để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu mua sắm kính áp tròng và vật tư hỗ trợ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá/ tính năng kỹ thuật:

- Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0301483745
- Địa chỉ : 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

5. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Báo giá kính áp tròng và vật tư hỗ trợ theo công văn số 2768/BVM-VTTBYT”

Nơi nhận: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản và Mục II.2 các thông tin khác.

6. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 10 ngày từ ngày 19/11/2025.

7. Thời hạn có hiệu lực của chào giá/ tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày tiếp nhận theo đường văn thư của Bệnh viện.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

1. Danh mục mời chào giá và tính năng kỹ thuật:

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa
1	KA T001	Kính áp tròng mềm điều trị khúc xạ cận – viễn đơn (dùng 1 ngày)	Cái	9.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc Silicon hydrogel trong suốt hoặc có màu. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00D đến -16.00D. <i>Loại dùng 1 ngày</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
2	KA	Kính áp	Cái	3.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc	Nhóm G7

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa
	T00 2	trồng mềm điều trị khúc xạ cận – viễn đơn (dùng 2 tuần)			Silicon hydrogel trong suốt hoặc có màu. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00D đến -16.00D. <i>Loại dùng 2 tuần</i>	(Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
3	KA T00 3	Kính áp trồng mềm điều trị khúc xạ cận – viễn đơn (dùng 1 tháng)	Cái	3.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc Silicon hydrogel trong suốt hoặc có màu. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00D đến -16.00D. <i>Loại dùng 1 tháng</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
4	KA T00 4	Kính áp trồng mềm điều trị khúc xạ có kèm loạn thị (dùng 1 ngày)	Cái	5.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00 D đến -16.00 D -Độ loạn: -0.75 tới -2.25 D -Trục loạn: 180°, 170°, 160°, 110°, 90°, 70°, 20°, 10°. <i>Loại dùng 1 ngày</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
5	KA T00 5	Kính áp trồng mềm điều trị khúc xạ có kèm loạn thị (dùng 1 tuần)	Cái	2.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00 D đến -16.00 D -Độ loạn: -0.75 tới -2.25 D -Trục loạn: 180°, 170°, 160°, 110°, 90°, 70°, 20°, 10°. <i>Loại dùng 1 tuần</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
6	KA T00 6	Kính áp trồng mềm điều trị khúc xạ có kèm loạn thị (dùng 1 tháng)	Cái	2.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel. Đường cong cơ bản (Base curve): 8.6-8.80 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Phải có màu kính trắng phản quang, có marking thương hiệu trên kính. -Dải độ cầu: +8.00 D đến -16.00 D -Độ loạn: -0.75 tới -2.25 D -Trục loạn: 180°, 170°, 160°, 110°, 90°, 70°, 20°, 10°. <i>Loại dùng 1 tháng</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
7	KA T00 7	Đa tiêu cho người lão thị (dùng 1 ngày)	Cái	2.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel - Có đa tiêu cự - Đường cong cơ bản (Base curve): 8.40-8.8 mm - Đường kính: 14.0-14.2 mm	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa
					Dải độ cầu: +6.00 D đến -12.00 D - Độ ADD: +0.75/+1.50/+2.25 D <i>Loại dùng 1 ngày</i>	
8	KA T00 8	Đa tiêu cho người lão thị (dùng 1 tuần)	Cái	500	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel- Có đa tiêu cự- Đường cong cơ bản (Base curve): 8.40-8.8 mm- Đường kính: 14.0-14.2 mmDải độ cầu: +6.00 D đến -12.00 D - Độ ADD: +0.75/+1.50/+2.25 D <i>Loại dùng 1 tuần</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
9	KA T00 9	Đa tiêu cho người lão thị (dùng 1 tháng)	Cái	500	Chất liệu kính: có chứa hợp chất hydrogel hoặc silicon hydrogel - Có đa tiêu cự - Đường cong cơ bản (Base curve): 8.40-8.8 mm - Đường kính: 14.0-14.2 mm Dải độ cầu: +6.00 D đến -12.00 D - Độ ADD: +0.75/+1.50/+2.25 D <i>Loại dùng 1 tháng</i>	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
10	KA T01 0	Kính che sọc thẩm mỹ	Cái	50	Chất liệu kính: có chứa hợp chất silicon. Thời gian sử dụng kính: 1 năm Đường cong cơ bản: từ 8.0 đến 9.2 mm Đường kính tổng: 14-15 mm Đường kính mỏng mắt: 10-12 mm Đường kính đồng tử: 3 - 7 mm Dải độ cầu: từ Plano tới ± 25.00 D Có thể tùy chỉnh kích thước và màu sắc mỏng mắt, đồng tử.	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
11	KA T01 1	Kính áp tròng bằng mắt chỉ số thẩm khí DK cao (dùng trong phẫu thuật Lasik) loại đeo từ 30 ngày	Cái	5.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất silicon hydrogel. Chỉ số DK ≥ 100 Đường cong cơ bản: từ 8.3 đến 8.8 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Đeo kéo dài ≥ 30 ngày	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
12	KA T01 2	Kính áp tròng bằng mắt chỉ số thẩm khí DK cao ngày (dùng trong phẫu thuật Lasik) loại đeo từ 7 ngày	Cái	5.000	Chất liệu kính: có chứa hợp chất silicon hydrogel. Chỉ số DK ≥ 100 Đường cong cơ bản: từ 8.3 đến 8.8 mm Đường kính: 14.0-14.2 mm Đeo kéo dài ≥ 7 ngày	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
13	KA T01 3	Kính RGP điều trị độ cận viễn loạn cao	Cái	100	DK ≥ 55 - Phải có màu kính phản quang - Dải độ cầu từ: +25.00D đến -25.00D - Đường kính 7.5mm đến 10.00mm Đường cong cơ bản (Base curve) 5.00mm đến 9.00mm	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
14	KA T01 4	Kính RGP điều chỉnh thị giác cho	Cái	200	DK ≥ 55 - Phải có màu kính phản quang - Dải độ cầu từ: +25.00D đến -25.00D	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản,

Stt	MÃ VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa
		bệnh nhân giác mạc chóp, giãn phình giác mạc, loại thị không đều			- Đường kính 7.5mm đến 10.00mm Đường cong cơ bản (Base curve) 5.00mm đến 9.00mm Có kết cấu 3 vùng có đường cong cơ bản khác nhau.	Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
15	KA T01 5	Kính cứng mạc Scleral	Cái	100	Kính áp tròng cứng điều chỉnh thị lực cho bệnh nhân giác mạc chóp, sẹo giác mạc, loạn dưỡng, khô mắt nặng, ... DK ≥ 100 - Màu kính: xanh dương hoặc trong suốt - Độ cầu: từ -30.00 D đến +30.00 D - Đường kính 15.00 mm đến 19.00 mm Đường cong cơ bản(Base curve) từ 7.0 mm đến 8.50 mm	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
16	KA T01 6	Kính Ortho K chỉnh hình giác mạc ban đêm kiểm soát cận thị tiến triển	Cái	500	Chỉ số DK ≥ 100 Phải có màu kính phản quang Đường kính: 10.60-11.2 mm Dây điều trị độ cầu: -0.75 $\Rightarrow$ -6.00 D loạn thị dưới -3.00 D Kết cấu 3 vùng: vùng điều trị, quy hồi và chu biên định tâm.	Nhóm G7 (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý và Canada).
17	KA T01 7	Nước ngâm kính cứng	Chai	500	Chai dung tích ≥ 200 ml Phù hợp cho ngâm rửa kính áp tròng cứng. Thành phần: Polyhexamethylene 0.0005%, Poloxamer, Hypromellose, EDTA Propylene Glycol.	
18	KA T01 8	Nước ngâm kính mềm	Chai	300	Chai dung tích ≥ 300 ml Phù hợp cho ngâm rửa kính áp tròng mềm. Thành phần: Sodium chloride, sodium citrate, poloxamer, hydroxypropyl methylcellulose, sodium edetate and polyhexamethylene biguanide 0.0001%.	
19	KA T01 9	Dụng cụ đeo và tháo kính áp tròng	Cái/Bộ	200	Chất liệu: Silicon hoặc các vật liệu khác có tính đàn hồi tốt. Công dụng: Đeo và tháo kính áp tròng cứng.	

(*): Số lượng sử dụng cho 12 tháng.

Yêu cầu chung: Kính áp tròng được đóng gói theo quy cách của nhà sản xuất, phải đảm bảo vô khuẩn.

2. Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/CaGn3gMiKWbpE64p7> hoặc Mã QR code (xem cuối văn bản).

a. Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file **EXCEL** (.xls, .xlsx)

b. Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng **PDF**

3. Lưu ý:

Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - **KHÔNG** xóa, **KHÔNG** thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (**biểu mẫu 1**). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm (nếu có).

Cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

Trân trọng./ 

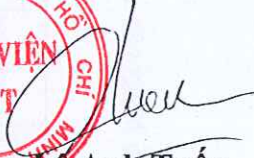
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (VTTT_2b)



GIÁM ĐỐC




Lê Anh Tuấn



(điền Header của Công ty)
BẢO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm kính áp tròng và vật tư hỗ trợ

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá/ tính năng kỹ thuật của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho mua sắm kính áp tròng và vật tư hỗ trợ như sau:

1. Danh mục:

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng (*)	Đơn giá + VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tính năng kỹ thuật của Công ty	Tên Công ty/ Nhà cung cấp	Hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành
	(1)	(2)				(3)	(4)	A	B = A x (4)	(5)		(6)		(7)
1														
2														

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu
(7): số công bố và ngày ban hành của hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành (có hiệu lực tối thiểu đến hết thời điểm hiệu lực của báo giá)

(*) : số lượng dự kiến sử dụng 12 tháng.

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.



Link khai báo



Link lấy file

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))